

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THAICOM



CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM	
CÔNG	Số... 362 ngày 06/8/2020
VĂN	CEUYEN
ĐẾN:	Lãnh đạo CC.....
	Phòng... VP/Tr. Lưu h.s
	Sao.....

BẢN TỰ CÔNG BỐ CHẤT LƯỢNG

THỰC PHẨM BỔ SUNG NƯỚC TĂNG LỰC CÀ PHÊ 360

Số CBCL: CF150720/THAICOM

Năm 2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
Số CBCL: CF150720/THAICOM

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: **Công ty Cổ Phần Tập Đoàn THAICOM.**

Trụ sở: Tòa nhà 168 Ngọc Khánh – Ba Đình – Hà Nội

Địa chỉ: Thôn Ngọc Lịch, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Điện thoại: +84 2213997457

Fax: +84 2213997458

E-mail: thaicom360thaicom@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 0900347903

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 26/2019/GCNATTP-SCT Ngày
Cấp 30 tháng 12 năm 2019/Nơi cấp: Sở Công Thương Tỉnh Hưng Yên.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Thực phẩm bổ sung nước tăng lực cà phê 360

2. Thành phần: Nước, đường, CO₂ thực phẩm, màu thực phẩm (150d), cà phê Arabica chiết xuất, hương cà phê, chất điều chỉnh độ axit (330), chất điều vị (955), chất bảo quản (202), taurine, caffein, inositol, vitamin B3, vitamin B6.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: Lon nhôm: 18 tháng, chai pet 12 tháng.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì: Lon nhôm 240 ml, 250 ml, 305 ml, 315 ml, 320ml. Chai Pet 240 ml, 250 ml, 305 ml, 320 ml, 350 ml, 355ml, 380 ml.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm: : **Công ty Cổ Phần Tập Đoàn THAICOM**

Địa chỉ: Thôn Ngọc Lịch, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 6-2:2010/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống không cồn



- Thông tư số 24/2019/TT-BYT ngày 30 tháng 08 năm 2019 của Bộ Y tế quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.
- QCVN 12-3:2011/BYT Quy chuẩn quốc gia về vệ sinh an toàn đối với bao bì, dụng cụ kim loại tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hưng Yên, ngày 4 tháng 8 năm 2020

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC CHẤT LƯỢNG
Nguyễn Thị Chinh

Số/No: 2019/1013/TN4

Trang/Page: 1/1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

1. Tên mẫu thử/Name of sample: **Thực phẩm bổ sung nước tăng lực cà phê 360**
 2. Khách hàng/Customer: **Công ty Cổ phần đồ uống cao cấp Thái Lan**
 3. Số lượng mẫu/Quantity: **06 chai**
 4. Ngày nhận mẫu/Date of receiving: **16/05/2019**
 5. Tình trạng mẫu/Status of sample: **Mẫu đựng trong chai nhựa**
 6. Thời gian thử nghiệm/Test duration: **Từ ngày/From: 16/05/2019 đến ngày/To: 31/05/2019**

STT Item	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test methods	Kết quả Results
1.	Hàm lượng Cacbohydrate	g/L	FDA manual (Title 21- Chapter 1)	58,6
2.	Hàm lượng axit (Tính theo axit citric)	g/L	TK TCVN 3702:2009	0,97
3.	Hàm lượng kali sorbate	mg/L	TN4/HD/N3-15	366,6
4.	Hàm lượng vitamin B ₆	mg/L	TN4/HD/N3-108	2,58
5.	Hàm lượng vitamin B ₃	mg/L	TN4/HD/N3-108	4,82
6.	Hàm lượng cafein	mg/L	TCVN 9744:2013	389,4
7.	Hàm lượng inositol (*)	mg/L	QTTN/KT3 096:2017	60,1
8.	Hàm lượng taurine	mg/L	TK TCVN 8476:2010	972,8
9.	Hàm lượng sucralose (*)	g/L	QTTN/KT3 115:2015 (HPLC/RI)	31,8
10.	Hàm lượng đồng	mg/L	AOAC 2015.01	KPH (LOD=0,01)
11.	Hàm lượng chì	mg/L	AOAC 2015.01	KPH (LOD=0,03)
12.	Hàm lượng kẽm	mg/L	AOAC 2015.01	KPH (LOD=0,01)
13.	Hàm lượng thủy ngân	mg/L	AOAC 2015.01	KPH (LOD=0,01)
14.	Hàm lượng cadimi	mg/L	AOAC 2015.01	0,03
15.	Hàm lượng asen	mg/L	AOAC 2015.01	KPH (LOD=0,01)

Ghi chú: - KPH là không phát hiện
 - LOD là giới hạn phát hiện của phương pháp
 - (*) là chỉ tiêu đầu phụ

TIM ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

TUQ. TRƯỞNG PHÒNG
 THỬ NGHIỆM THỰC PHẨM

Trần Thị Mai
 Trần Thị Mai



PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tiến Chiến

Hà Nội, ngày 31 tháng 05 năm 2019



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Ngọc Cẩm

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
 This test results is value only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
 This test results shall not reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
 Name of sample and customer are written as customer's request.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No.: 19.04.23.1412

1. Tên mẫu: Thực phẩm bổ sung nước tăng lực vị cà phê 360
Name of sample
2. Tên/địa chỉ khách hàng: Công ty cổ phần đồ uống cao cấp Thái Lan
Name/Address of customer
Thôn Ngọc Lịch, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên
3. Mô tả mẫu: Trong 05 lon 330mL
Sample description:
4. Ngày nhận mẫu: 23/04/2019
Date of receiving sample
5. Người lấy/gửi mẫu: Khách hàng tự gửi
The personnel performing/sending sample(s)
By customer
6. Ngày thực hiện kiểm nghiệm: 23/04/2019 - 02/05/2019
The dates of testing activities
7. Kết quả thử nghiệm:
Test results

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TRUNG TRẮC
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN GỐC

Ngày: 11-06-2019

Số: 2286 Quyển số 02 SCTM

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn cho phép Regular limit QCVN 6-2:2010/BYT
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí * Total aerobic microorganisms	TCVN 4884-1:2015	CFU/mL	9x10 ¹	10 ²
2	Coliforms *	TCVN 6848:2007	CFU/mL	<10	10
3	Escherichia coli *	TCVN 7924-2:2008	CFU/mL	<1	0
4	Staphylococcus aureus *	TCVN 4830-1:2005	CFU/mL	<1	0
5	Clostridium perfringens *	TCVN 4991:2005	CFU/mL	<1	0
6	Faecal streptococci *	TCVN 6189-2:1996	CFU/ mL	<1	0
7	Pseudomonas aeruginosa *	ISO 16266:2006	CFU/ mL	<1	0
8	Tổng số bào tử nấm mốc, men * Total yeasts and moulds	TCVN 8275-1:2010	CFU/mL	<10	10

Nhận xét: Mẫu trên đạt tiêu chuẩn vệ sinh về phương diện vi sinh vật đối với sản phẩm đồ uống không cồn (theo QCVN 6-2:2010/BYT).
This sample complies with the standard on non-alcoholic beverage products in term of microbiology (according to QCVN 6-2:2010/BYT)

Hà Nội, ngày 02 tháng 05 năm 2019/Hanoi, May 02, 2019

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LABORATORY

KHOA XÉT NGHIỆM
CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH, THĂM ĐO CHỨC NĂNG
DEPARTMENT OF IMAGING, DIAGNOSTICS AND TESTING

KT. GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

ThS. Nguyễn Thành Đông

PHÓ CHỦ TỊCH
Bs. Nguyễn Mạnh Hùng

LÊ THANH HẢO



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Kiều Anh

- (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025/ (*) Characteristic recognized by ISO/IEC 17025
- KPH: Không phát hiện/ Not detected
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result(s) are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội
The test report must not be reproduced wholly or partly without the written approval of Hanoi Center for Disease Control.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn 05 ngày kể từ ngày trả kết quả/
Claims will not be accepted if there is no sample in storage, or more than 5 days after issuing the test result(s).
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng; 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng/
This test result is printed in 02 copies: 01 copy is provided to the customer, the other copy is stored at the Department of Imaging, Diagnostics and Testing.